

CHÍNH PHỦ
Số: 102/2007/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định thời hạn không được kinh doanh trong lĩnh vực
có trách nhiệm quản lý đối với những người là cán bộ,
công chức, viên chức sau khi thôi giữ chức vụ**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998; Pháp lệnh sửa
đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm
2000 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức
ngày 29 tháng 4 năm 2003;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Nghị định này quy định thời hạn không được kinh doanh đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước sau khi thôi giữ chức vụ trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp của nhà nước; quy định trách nhiệm của cơ quan, cá nhân trong việc quản lý, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) và xử lý vi phạm.
- Nghị định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thôi giữ chức vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết chế độ thôi việc, bị kỷ luật

bằng hình thức buộc thôi việc, nghỉ hưu hoặc chuyển ra khỏi cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, bao gồm:

- a) Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;
- b) Cán bộ, công chức, viên chức biệt phái sang làm việc tại các tổ chức kinh tế nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này sau đây gọi chung là người thôi giữ chức vụ.

Điều 2. Mục tiêu quy định thời hạn không được kinh doanh

Mục tiêu quy định thời hạn không được kinh doanh trong lĩnh vực có trách nhiệm quản lý đối với người thôi giữ chức vụ nhằm ngăn chặn, phòng ngừa người thôi giữ chức vụ lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực trước đây được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giao quản lý để vụ lợi cho bản thân và gia đình, làm thất thoát tài sản nhà nước, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Không được kinh doanh" là việc người thôi giữ chức vụ không được thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 4 Nghị định này.
2. "Người thôi giữ chức vụ" là người khi đang là cán bộ, công chức, viên chức được giao nghiên cứu, xây dựng, thẩm tra, thẩm định hoặc là người ký, ban hành các quyết định phê duyệt, quản lý, quyết định cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về một trong các lĩnh vực quy định tại Điều 4 Nghị định này theo quy định của pháp luật, được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết chế độ thôi việc, bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, nghỉ hưu hoặc chuyển ra khỏi cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

3. "Thời hạn không được kinh doanh" là thời gian kể từ khi người thôi giữ chức vụ có quyết định của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết chế độ thôi việc, bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, nghỉ hưu hoặc chuyển ra khỏi cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước đến hết thời hạn đối với từng lĩnh vực quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Chương II

CÁC LĨNH VỰC CÓ QUY ĐỊNH THỜI HẠN KHÔNG ĐƯỢC KINH DOANH

Điều 4. Các lĩnh vực có quy định thời hạn không được kinh doanh

Các lĩnh vực mà người thôi giữ chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này trước đây có trách nhiệm quản lý có quy định thời hạn không được kinh doanh, bao gồm:

1. Nhóm 1 gồm các lĩnh vực thuộc các Bộ, ngành:

- a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- b) Bộ Tài chính;
- c) Bộ Thương mại;
- d) Bộ Tư pháp;
- đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Nhóm 2 gồm các lĩnh vực thuộc các Bộ, ngành:

- a) Bộ Bưu chính, Viễn thông;
- b) Bộ Công nghiệp;
- c) Bộ Giao thông vận tải;
- d) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- đ) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- e) Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- g) Bộ Thủy sản;
- h) Bộ Xây dựng;
- i) Tổng cục Du lịch.

3. Nhóm 3 gồm các lĩnh vực thuộc các Bộ, ngành: